

BÀI TẬP ĐỊNH KHOẢN KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Bài 1: Ngày 17/7/2007, khách hàng N đến gửi tiết kiệm định kỳ 3 tháng, với số tiền 150 triệu đồng, trả lãi đầu kỳ. Lãi suất 0.68% trên 1 tháng. Xử lý kế toán trong những trường hợp sau:

- a) Ngày 17/10/2007, khách hàng mang sổ tiết kiệm đến để tắt toán.
- b) Ngày 20/9/2007, khách hàng đến rút trước hạn, ngân hàng chỉ trả lãi với lãi suất là 0.2%/tháng.

Giải

- Số tiền khách hàng thực tế gửi vào ngân hàng là:

$$150 / (1 + 3 * 0.68\%) = 147.001176 \text{ triệu đồng}$$

- Như vậy, số tiền lãi mà khách hàng đã được nhận trước là:

$$150 - 147.0012 = 2.9988 \text{ triệu đồng}$$

Nợ 1011 : 147.001176 triệu đồng

Nợ 388 : 2.9988 triệu đồng

Có 4232.3 tháng.N : 150 triệu đồng

- Hàng tháng, phân bổ lãi vào chi phí:

Nợ 801 : 0.9996 triệu đồng

Có 388 : 0.9996 triệu đồng

a) Trường hợp khách hàng đến rút tiền đúng kỳ hạn:

Nợ 4232.3 tháng.N : 150 triệu đồng

Có 1011 : 150 triệu đồng

b) Trường hợp khách hàng rút trước hạn:

Khi đó ngân hàng sẽ tính lãi không kỳ hạn trên số tiền thực tế gửi vào. (từ 17/7/2007 đến 20/9/2007: 65 ngày)

- Số tiền lãi là:

$$147.0012 * 0.2\% * 65 / 30 = 0.637 \text{ triệu đồng}$$

- Số tiền khách hàng nhận được vào ngày 20/9/2007 là:

$$150 + 0.637 - 2.9988 = 147.6382 \text{ triệu đồng}$$

Ở đây, ta thấy xảy ra hai trường hợp:

1) Nếu tại thời điểm này, Ngân hàng đã phân bổ lãi vào chi phí cả 3 tháng, như vậy, ta hạch toán ngược lại để làm giảm chi phí.

Nợ 4232.3 tháng.N :150 triệu đồng
Có 1011 :147.6382 triệu đồng
Có 801 :2.3618 triệu đồng (2.9988-0.637)

2) Nếu ngân hàng mới chỉ phân bổ lãi vào chi phí trong 2 tháng đầu. Lúc này, tài khoản 801 đang có số dư nợ là $0.9996 * 2 = 1.9992$ triệu đồng, và tài khoản 388 có số dư nợ là 0.9996 triệu đồng.

Ta hạch toán như sau:

Nợ 4232.3 tháng.N : 150 triệu đồng
Có 1011 : 147.6382 triệu đồng
Có 801 : 1.3622 triệu đồng (1.9992-0.637)
Có 388 : 0.9996 triệu đồng

Bài 2: KH M vay 2000 lượng vàng trong 3 tháng. GV tại thời điểm hiện tại là 12,5 trđ/lượng. Trả lãi từ TKTGTT vào cuối kỳ. LS: 0,5%/tháng. GV vào CK là 11 trđ/ lượng. NH tính lãi dự thu với mức giá 13trđ/ lượng.

Giải

➤ Khi cho khách hàng vay:

Nợ 2141.M : 25 000 triệu đồng
Có 1051 : 25 000 triệu đồng

➤ Ngân hàng dự thu lãi từng tháng:

- Tháng thứ I:

Nợ 3942 : 130 triệu đồng
Có 702 : 130 triệu đồng

- Tháng thứ II:

Nợ 3942 : 130 triệu đồng
Có 702 : 130 triệu đồng

- Tháng thứ III:

Nợ 3942 : 130 triệu đồng
Có 702 : 130 triệu đồng

➤ Tổng lãi dự thu:

$$130 \text{ tr} \times 3 \text{ th} = 390 \text{ triệu đồng.}$$

➤ Lãi thực thu:

$$2000 \times 11 \text{ tr} \times 0,5\% \times 3 = 330 \text{ triệu đồng.}$$

➤ KH trả nợ gốc:

$$\text{Nợ 1051} : 22\,000 \text{ triệu đồng} (2000 \times 11)$$

$$\text{Nợ 632} : 3\,000 \text{ triệu đồng} (2000 \times 1,5)$$

$$\text{Có 2141.M} : 25\,000 \text{ triệu đồng}$$

➤ KH trả lãi:

$$\text{- Nợ 4211} : 330 \text{ triệu đồng}$$

$$\text{Có 3942} : 330 \text{ triệu đồng}$$

$$\text{- Nợ 702} : 60 \text{ triệu đồng}$$

$$\text{Có 3942} : 60 \text{ triệu đồng}$$

Bài 3: Tại 1 NH X, doanh nghiệp A có hạn mức tín dụng trong quý 3/2007 là 500 trđ.

Trong quý 3/2007 có các nghiệp vụ:

- 7/7/07: DN A đến rút tiền vay 150trđ → dư nợ: 150trđ → HMTD còn: 350trđ.
- 25/7/07: DN A đến rút tiếp 150trđ → dư nợ: 300trđ → HMTD còn: 200trđ.
- 31/7/07: DN A trích tài khoản tiền gửi của mình tại NH X để trả lãi
- 15/8/07: DN A đến rút tiếp 200trđ → dư nợ: 500trđ → HMTD còn: 0đ.
- 31/8/07: do làm ăn có lãi nên DN A đem tiền mặt lại NH X để trả hết lãi trong tháng 8 và trả luôn nợ gốc.

(Vì đây là hình thức cho vay theo HMTD nên NH X quy định DN A phải trả lãi hàng tháng). Cho biết lãi suất 1.5%/tháng.

Giải

Ta có thể hạch toán các nghiệp vụ trên tại NH X như sau:

- Ngày 7/7: Nợ 2111.DN A : 150 triệu đồng
 Có 1011 : 150 triệu đồng

- Ngày 25/7: Nợ 2111.DN A : 150 triệu đồng
 Có 1011 : 150 triệu đồng

- Ngày 31/7:

Lãi phải trả = $\frac{(150 \cdot 18 + 300 \cdot 6)}{30} \cdot 1.5\% = 2.25$ triệu đồng

30

Nợ 4211.DN A : 2.25 triệu đồng

Có 702.DN A : 2.25 triệu đồng

- Ngày 15/8:

Nợ 2111.DN A : 200 triệu đồng

Có 1011 : 200 triệu đồng

- Ngày 31/8:

Lãi phải trả là: $\frac{(300 \cdot 15 + 500 \cdot 16)}{30} \cdot 1.5\%$

= 6.25 triệu đồng

30

Doanh nghiệp A trả lãi tháng 8 và trả nợ gốc là:

- Nợ 1011 : 6.25 triệu đồng

Có 702.DN A : 6.25 triệu đồng

- Nợ 1011 : 500 triệu đồng

Có 2111.DN A : 500 triệu đồng

Bài 4: Xuất 156.500 USD để mua 1 tài sản theo đơn đặt hàng của công ty nước ngoài QĐ, trị giá hợp đồng là 156000 USD, thời gian thuê là 3 năm, tiền thuê trả định kỳ theo quý là 13 000 USD. Lãi xuất 2,8%/quý tính trên giá trị còn lại của mỗi kỳ trả. Nhưng trả được 2 quý, đến quý 3 công ty làm ăn thua lỗ, có nguy cơ phá sản. Hạch toán tình hình trả tiền của công ty QĐ đến thời điểm quý 3.

Cho biết công ty mua USD của ngân hàng để trả nợ vay và lãi. Tỷ giá USD/VND tại các thời điểm giao dịch đều là 16100.

Giải

- Khi mua tài sản :

• Nợ 386 : 156 500 USD

Có 1031 : 156 500 USD

- Nhập 951 : 156 500 USD

- Khi cho thuê tài sản:

Nợ 2321 : 156 000 USD

Nợ 809 : 500 USD

Có 386 : 156 500USD

- Xuất 951 : 156 500 USD

- Nhập 952 : 156 000 USD

Quý 1:

❖ Hàng tháng, ngân hàng dự thu lãi.

- Nợ 3943 : $156\ 000 * 2.8\% / 3 = 1456$ USD

Có 705 : 1456 USD

Tương tự cho tháng thứ 2,3 của quý 1.

❖ Cuối quý 1, thu tiền thuê và lãi cho thuê.

-Khách hàng mua USD để trả tiền thuê: $13\ 000 * 16\ 100 = 209\ 300\ 000$ đồng.

- Nợ 4711: 13 000 USD

Có 2321: 13 000 USD

- Nợ 1011: 209 300 000 đồng

Có 4712: 209 300 000 đồng

- Khách hàng mua USD để trả tiền lãi: $1\ 456 * 3 * 16\ 100 = 70\ 324\ 800$ đồng

- Nợ 4711 : 4368 USD (1456*3)

Có 3943 : 4368 USD

- Nợ 1011 : 70 324 800 đồng

Có 4712 : 70 324 800 đồng

- Số dư nợ còn lại là: $156000 - 13000 = 143000$ USD

Quý 2

❖ Đối với tiền thuê thì ta hạch toán tương tự như quý 1.

❖ Hàng tháng, ngân hàng dự thu lãi:

- Nợ 3943 : 1334.7USD ($143\ 000 * 2.8\%/3$)

Có 705 : 1334.7 USD

- Tương tự cho tháng thứ 2 và 3 của quý 2.

❖ Khách hàng cũng mua USD để trả tiền lãi: $1334.7 * 3 * 16100 = 64\ 466\ 010$ đồng

- Nợ 4711 : 4 004.1 USD ($1334.7 * 3$)

Có 3943 : 4 004.1 USD

- Nợ 1011 : 64 466 010 đồng

Có 4712 : 64 466 010 đồng

- Số dư nợ còn lại là: $143\ 000 - 13\ 000 = 130\ 000$ USD

Quý 3

- Vì công ty có nguy cơ phá sản, nên ta chuyển nợ đủ tiêu chuẩn sang nợ có khả năng mất vốn.

- Nợ 2325: 130 000 USD

Có 2321: 130 000 USD

- Xử lý nợ có khả năng mất vốn:

- Nợ 239 : 130 000 USD

Có 2325 : 130 000 USD

- Nhập 971: 130 000 USD

Bài 5: Ngân hàng X có chính sách tín dụng như sau: Cho vay 12 tháng, lãi suất 1%/tháng, trả lãi mỗi tháng, lãi suất phạt chậm thanh toán là 150% lãi suất thông thường. Khách hàng A (không có tài khoản tiền gửi tại NH X) đến vay 500 triệu đồng với điều khoản tín dụng như NH đưa ra, thời gian từ 1/10/2006 đến 1/10/2007. Trong 9 kỳ lãi đầu, khách hàng đến thanh toán lãi đúng hạn bằng tiền mặt. Nhưng đến 20/9/2007 khách hàng mới đến thanh toán lãi kỳ 10 và 11. Ngày 1/10/2007, khách hàng đến trả tiền lãi kỳ cuối và nợ gốc. Xử lý kế toán trong những trường hợp trên.

Giải

❖ Ngày 1/10/2006:

Nợ 2111.KH A : 500 triệu đồng

Có 1011 : 500 triệu đồng

❖ Ngày 1/11/2006:

Lãi phải thu: $500 * 1\% = 5$ triệu đồng.

Khách hàng đến trả lãi bằng tiền mặt:

Nợ 1011 : 5 triệu đồng

Có 702 : 5 triệu đồng

Hạch toán tương tự cho 8 kỳ tiếp theo.

❖ Ngày 1/8/2007, khách hàng không đến thanh toán lãi theo thời hạn.

Ngân hàng theo dõi ngoại bảng

Nhập 941 : 5 triệu đồng

❖ Ngày 1/9/2007, tiếp tục theo dõi ngoại bảng

Nhập 941 : 5 triệu đồng

Đến ngày này, ngân hàng xét thấy khách hàng suy giảm khả năng trả nợ nên chuyển nợ cần chú ý.

Nợ 2112.KH A : 500 triệu đồng

Có 2111.KH A : 500 triệu đồng

❖ Đến ngày 20/9/2007, khách hàng đến thanh toán lãi.

Mức phạt do chậm thanh toán lãi: $500 * 1.5 * 1\% * (50 + 19) / 30 = 17.25$ triệu đồng.

Nợ 1011 : 17.25 triệu đồng

Có 702 : 17.25 triệu đồng

Đồng thời Xuất 941: 10 triệu đồng

❖ Ngày 1/10/2007, khách hàng đến thanh toán nợ gốc và lãi kỳ cuối.

Nợ 1011 : 505 triệu đồng

Có 2112.KH A : 500 triệu đồng

Có 702 : 5 triệu đồng

Bài 6: Một khách hàng A gửi TK 20 triệu, thời hạn 3 tháng, trả lãi cuối kỳ. Nếu khách hàng gửi TK có dự thưởng thì LS: 0,61%/tháng. Nếu khách hàng gửi TK không có dự thưởng thì LS: 0,71%/tháng.

- Thời hạn từ 10/03/2007 đến 10/06/2007.
- KH đồng ý dự thưởng.
- Ngày mở thưởng là ngày 10/04/2007.
- Giả sử vào ngày 20/05/2007 Khách hàng rút tiết kiệm trước hạn
- Lãi không kỳ hạn là 0.25%/th

Giải

- **Khi khách hàng gửi TK:**

Nợ 1011 :20triệu

Có 4232 (3tháng, KHA) :20triệu

- **Dự trả lãi hàng tháng:**

Nợ 801 : 0.122triệu = $20 \times 0.61\%$

Có 4913 : 0.122triệu

- **Khi khách hàng kết toán trước hạn :**

+ Trả nợ gốc

Nợ 4232 (3tháng.KHA) :20triệu

Có 1011 :20triệu

+ Trả lãi trước hạn: (10/03 đến20/05 là 71ngày)

Nợ 4913 : $20 \times (0.25\% / 30) \times 71 = 0.118333$ tr

Có 1011 : 0.118333 tr

+ Hạch toán chênh lệch :

Nợ 4913: $(0.122 \times 3) - 0.118333 = 0.247667$ tr

Có 801: 0.247667 tr

+ Doanh thu từ dịch vụ khác (do KH không tiếp tục dự thưởng) (Chịu chi phí trả thưởng $(0.71 - 0.61) \times \text{thời hạn} \times \text{số tiền}$)

Nợ 1011: $((0.71\% - 0.61\%) / 30) \times 71 \times 20 = 0.047333$ tr

Có 79 0.047333 tr

Bài 7: Ngày 07/05/2006. Một khách hàng B vay NH 180tr thời hạn 3 năm theo phương thức vay trả góp ,vốn trả đều mỗi tháng là 3triệu, lãi tính trên số dư thực tế, LS cho vay

1.2%/th(cố định).LS quá hạn =150%LS cho vay. Tài sản thế chấp trị giá 500 trđ. Quá trình trả nợ gốc và lãi như sau :

- **08/06/2006: trả gốc và lãi**
- **08/07/2006: trả lãi**
- **20/08/2006: trả lãi và gốc**
- **08/09/2006: KH bán tài sản trị giá 400tr và đem trả hết nợ cho NH.**

Giải

- ❖ Ngày 7/5/2006: khi NH giải ngân
Nợ 2121.3 năm.KH B :180tr
Có 1011 : 180tr
Đồng thời tiến hành nhập ngoại bảng tài sản đảm bảo khoản vay
Nhập 9940 : 500 tr (tài sản thế chấp)
- ❖ Ngày 8/6/2006: khi KH trả Nợ gốc và lãi hàng tháng
Nợ 1011 : 5,16tr
Có 2111 : 3tr
Có 702 : 2,16tr
- ❖ Ngày 8/7/06: KH chỉ trả lãi
Nợ 1011: 2,124tr (177 x 1,2%)
Có 702: 2,124tr
 - Chuyển Nợ gốc T7 sang Nợ cần chú ý
Nợ 2122 : 3tr
Có 2121: 3tr
- ❖ Cuối ngày 8/8/06:
Nhập TK 941: 2,124tr
 - Chuyển Nợ gốc T8 sang Nợ cần chú ý
Nợ 2112 : 3tr
Có 2111: 3tr

❖ Ngày 20/8/06: Trả lãi T8 và nợ gốc của T7

- Xuất TK 941: 2.124 tr

- Lãi phải trả vào Ngày 8/8 + phạt chậm trả lãi (tính trên tiền lãi phải trả)+ lãi quá hạn
(tính trên vốn gốc phải trả)

= 2,124tr + 2,124*0,05%*12 + 177x1,2%/30 x43(từ Ngày 8/7 đến ngày 19/8) x150% =
2.5934044 trđ

Nợ 1011 : 5.593404 tr

Có 702 : 2.124 tr

Có 2112: 3 tr

Có 709 : 0.469404 tr = 0.012744 + 0.45666

❖ Ngày 8/9: Trả hết số nợ còn thiếu

- Lãi phạt quá hạn của Nợ gốc T8: $174*150%*1.2%/30*31$ (từ Ngày 8/8 đến Ngày 7/9) =
0.32364

❖ Trả hết nợ còn lại:

Nợ 1011 : 176.41164 tr

Có 2111 : 171 tr

Có 2112(T8): 3

Có 702 : 2.088 tr = 174*1.2%

Có 709 : 0.32364 tr

Trả lại TSDB

Xuất TK 9940 : 500 tr

Bài 8: Ngày 1/11/2007, Ông Quang đến Techcombank xin vay ngắn hạn Đầu tư chứng khoán để mua cổ phiếu REE:

- Số lượng là 2000 CP

- Giá CP REE ngày 31/10/2007: 360.000 đồng

- Kỳ hạn vay là 3 tháng

- Lãi suất cho vay: 1,2 % /tháng

**NH thẩm định mức cho vay Ông Quang 40% tổng giá trị thị trường của CP REE sẽ mua.
Khách hàng bảo đảm tiền vay bằng thế chấp căn nhà trị giá 500.000.000 đồng. Phương
thức trả góp định kỳ hàng tháng**

Ngày 5/12 khách hàng thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi

Giải

- Tổng giá trị thị trường của CP REE theo giá tham chiếu ngày 1/11/2007:

$$2000 * 360.000 = 720.000.000 \text{ đồng}$$

- Mức cho vay:

$$40\% * 720.000.000 = 288.000.000 \text{ đồng}$$

- Ngày 1/11/2007 NH giải ngân:

Nợ 2111: 288.000.000 đồng

Có 1011: 288.000.000 đồng

Đồng thời Nhập tài khoản 994

- Ngày 1/12/2007: khách hàng trả vốn gốc và lãi

$$= 288.000.000/3 + 288.000.000 * 1.2\%$$

$$= 99.456.000 \text{ đồng}$$

Nợ 1011 99.456.000

Có 2111 96.000.000

Có 702 3.456.000

- Ngày 5/12/2007 khách hàng thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại

Số tiền khách hàng thanh toán:

$$= 2 * 96.000.000 + 192.000.000 * 1.2\% * 4 / 30 = 192.307.200 \text{ đồng}$$

Nợ 1011 192.307.200

Có 2111 192.000.000

Có 702 307.200

Bài 9: Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên bán chịu cho Tổng công ty Xây dựng số 1 trị giá hợp đồng: 1 tỷ đồng trong thời hạn 3 tháng. Do nhu cầu vốn lưu động, ngày 6/11/2006 công ty CP xi măng Hà tiên ký hợp đồng bao thanh toán truy đòi với NHTMCP SCB thời hạn 3 tháng

- Lãi suất bao thanh toán: 0.95 %/tháng
- Lãi bao thanh toán quá hạn bằng 1.5 lần lãi suất bao thanh toán
- Phí bao thanh toán: 0.2% giá trị khoản phải thu được bao thanh toán
- VAT 10%

Ngày 6/2/2007 Tổng công ty xây dựng số 1 không trả nợ

Ngày 17/2/2007, Tổng công ty xây dựng số vẫn không thanh toán, SCB gọi thông báo đòi nợ có truy đòi đến Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên

Ngày 20/2/2007, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên trả nợ

Giải

Ngày 6/11/2006

Số tiền bao thanh toán = Giá trị khoản phải thu được bao thanh toán – lãi bao thanh toán – phí bao thanh toán – VAT phí bao thanh toán

$$\begin{aligned} \text{Lãi bao thanh toán} &= 1.000.000.000 - 1.000.000.000 / (1 + 0.95\%)^3 \\ &= 27.966.953 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Phí bao thanh toán} &= 0.2\% * 1.000.000.000 \\ &= 2.000.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Số tiền bao thanh toán :

$$\begin{aligned} &= 1.000.000.000 - 27.966.953 - 2.200.000 \\ &= 969.833.047 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Nợ 2111 (Tổng công ty xây dựng số 1):	1.000.000.000
Có 4211.Công ty Hà Tiên	969.833.047
Có 488	27.966.953

Có 717

2.200.000

Ngân hàng phân bổ lãi bao thanh toán 3 lần:

$$= 27.966.953 / 3 = 9.322.317,667 \text{ đồng}$$

Nợ 488 9.322.317,667

Có 702 9.322.317,667

Ngày 17/2/2007, SCB chuyển sang đòi nợ công ty xi măng Hà tiên

Nợ 2111 (Công ty xi măng Hà Tiên) 1.000.000.000

Có 2111. Tổng công ty xây dựng số 1 1.000.000.000

Đồng thời chuyển sang nợ quá hạn đối công ty xi măng Hà Tiên

Nợ 2112. công ty XM Hà Tiên

Có 2111. công ty XM Hà Tiên

Ngày 20/2/2007 công ty Hà Tiên trả nợ:

Từ ngày 6/2/2007 đến ngày 16/2/2007, lãi vay

$$= 1.000.000.000 * 0.95\% * 11/30$$

$$= 3.483.333,33 \text{ đồng}$$

Từ ngày 17/2/2007 đến ngày 20/2/2007,

$$\text{Lãi bao thanh toán quá hạn} = 1,5 \text{ lần lãi bao thanh toán} = 1,5 * 0.95\% =$$

$$= 1,425 \%$$

$$\text{Tiền lãi} = 1.000.000.000 * 1.425\% * 3/30$$

$$= 1.425.000 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền công ty thanh toán:

= 1.000.000.000 + 3.483.333,33 + 1.425.000 = 1.004.908.333 đồng

Nợ 4211.công ty XM Hà Tiên	1.004.908.333
Có 2112.Công ty XM Hà Tiên	1.000.000.000
Có 702	4.908.333

Bài 10: Nhận được báo Có của NHNN về số tiền mà kho bạc đã chuyển vào TK của NH Ngoại Thương: 4 tỷ. Số tiền này Chính Phủ ủy thác cho NH để cho vay theo kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng. Trong kỳ, đã giải ngân cho Cty XD N: 600tr. Trong đó trả vào TKTG của Cty XD mở tại chính NH: 300tr, chuyển tiền qua TTBT trả cho Cty cơ khí 200tr mở tại NHTM D, lĩnh 100tr để trả lương và tiền thuê nhân công. NH nhận được 5tr phí ủy thác của bộ tài chính chuyển vào TKTG tại NHNN. Trong số phí này, phải nộp thuế VAT 10%.

Giải

- Khi nhận ủy thác:

Nợ 1113: 4.000.000.000

Có 4412: 4000.000.000 (Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay nhận của Chính phủ)

- Khi giải ngân cho khách hàng:

Nợ 359: 600.000.000

Có 4211.CTY XD N: 300.000.000

Có 5012 : 200.000.000

Có 1011 : 100.000.000

- Khi thông báo cho NH ủy thác:

Nợ 4412: 600.000.000

Có 459: 600.000.000

- Đồng thời nhập 981: 600.000.000 (cho vay, đầu tư theo hợp đồng nhận ủy thác)

- Lệ phí ủy thác:

Nợ 1113 : 5.000.000

Có 714 : 4.500.000

Có 4531 : 500.000 (VAT)

Bài 11: (Đề thi VPBank Thăng Long)

Ngày 20/06/2007 Bà Nguyễn Thủy đến Ngân hàng Phương Nam rút tiền gửi tiết kiệm và tất toán như sau:

Quyển 1: Số tiền gốc 200tr gửi kỳ hạn 3 tháng lãi 6.7% năm từ ngày 20/03/2007

Quyển 2: Số tiền gốc 100tr gửi kỳ hạn 6 tháng lãi 6.89% năm gửi từ ngày 25/4/2007. Biết cứ đến ngày 27 của tháng thì ngân hàng tính dự chi lãi. lãi ko kỳ hạn là 3.4% năm.

Tính lãi của khách hàng và xử lý?

Giải

Hạch toán:

Quyển 1: 20/3/2007 đến 20/6/2007 = 3 tháng. Khách hàng rút đúng hạn.

Lãi = $200 * 6,7\% * 3/12 = 3,35$ triệu

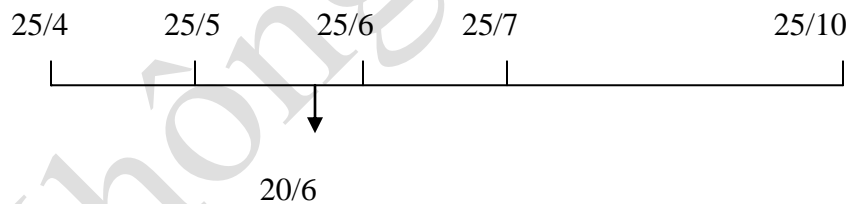
Tổng số tiền nhận được = $200 + 3,35 = 203,35$ triệu

Nợ 4913: 3,35 triệu

Nợ 4232.3th.NT: 200 triệu

Có 1011: 203,35 triệu

Quyển 2: thời hạn 6 tháng. Ngày 20/6/2007 rút → rút trước hạn



- Ngày 27 hàng tháng ngân hàng tính lãi dự chi. Số ngày đã được ngân hàng tính lãi dự chi = 33 ngày (25/4 → 27/5)

Lãi dự chi = $100 * 6,89\% * 33/360 = 0,6316$ (triệu)

- Khách hàng rút trước hạn, tính theo lãi không kỳ hạn. 25/4 → 20/6 = 56 ngày.

Lãi thực trả = $100 * 3,4\% * 56/360 = 0,5289$ (triệu)

⇒ Số dư chi phải hoàn = $0,6316 - 0,5289 = 0,1027$ (triệu)

Định khoản:

- Nợ 4232.6T.NT: 100.000.000

- Có 1011: 100.000.000
- Nợ 4913: 528.900
 - Có 1011: 528.900
- Nợ 4913: 102.700
 - Có 801: 102.700

Bài 12: Ông Trần Văn Lâm đến gửi tiền tiết kiệm tại NHNN với số tiền: 100.000.000 đ với kỳ hạn 3 tháng lãi suất 0.67%/tháng. Ngày gửi là 15/06/2007.

Nhưng đến ngày 20/06/2007 ngân hàng thay đổi lãi suất kỳ hạn 3 tháng lên 0.70%/tháng và không kỳ hạn là 0.25%/tháng.

Ngày 20/10/2007 khách hàng tắt toán tiền gửi.

Nhân viên ngân hàng dự chi vào ngày 27 hàng tháng.

Hạch toán tiền gửi và số tiền lãi khách hàng nhận vào ngày 20/10/2007

Giải



- Khi khách hàng gửi tiền:

Nợ 1011: 100.000
Có 4232.3T.TVL: 100.000

- Ngân hàng tính lãi dự trả:

Ngày 27/6/07 ngân hàng tính lãi dự trả từ ngày 15/6/07 đến ngày 26/7/07:

Lãi dự trả: $100.000 * 0.67\% * 42 \text{ (ngày)} / 30 = 938$

Lãi dự trả tháng đầu tiên:

Nợ 801: 938
Có 4913: 938

Ngày 27/7/07 ngân hàng tính lãi dự trả từ 27/7/07 đến 26/8/07

Lãi dự trả: $100.000 * 0.67\% = 670$

Lãi dự trả tháng thứ 2:

Nợ 801: 670

Có 4913: 670

Ngày 27/8/06 ngân hàng tính lãi dự trả từ 27/8/06 đến 26/9/06

Lãi dự trả: $100.000 * 0.67\% = 670$

Nợ 801: 670

Có 4913: 670

- Tổng lãi dự trả: $938 + 670 + 670 = 2278$

- Lãi thực trả cho khách hàng từ ngày 15/6/07 đến ngày 14/9/07 là:

$100.000 * 0.67\% * 92/30 = 2054,67$

- Lãi thực trả cho khách hàng từ ngày 15/9/07 đến ngày 20/10/07 là (lãi kỳ trước đã nhập vốn):

$(100.000 + 2054,67) * 0.25\% * 35/30 = 297,66$

Định khoản:

- Lãi nhập vốn:

Nợ 4913 : 2054,67

Có 4232.12T.TVL: 2054,67

- Khách hàng rút lãi :

Nợ 4913: 223,33 (2278-2054,67)

Có 801: 223,33 (giảm chi do khoản dự chi lớn hơn thực chi)

Nợ 801: 297,66

Có 1011: 297,66

- Khách hàng rút vốn:

Nợ 4232.12T.TVL: 102054,67 (100.000+2054,67)

Có 1011 : 102054,67

Bài 13: Ngày 12/7/2007, Ô.Bắc đến NH Ngoại Thương xin rút TM 1 tờ chứng chỉ tiền gửi, thời hạn 12 tháng từ 12/10/06 đến 12/10/07 (trả lãi trước) mệnh giá 600tr, LS 0,5%/tháng, còn 3 tháng nữa mới đáo hạn. Theo quy định của NH, trường hợp này KH chỉ được hưởng LS 0,3%/tháng

Giải

- Số tiền thực gửi = $600\text{tr}/(1+0,5\%*12)=566,04\text{tr}$
- Số tiền lãi có thể nhận được khi đến hạn là: $600\text{tr}-566,04\text{tr} = 33,96\text{tr}$

- Tại thời điểm phát hành:
 - Nợ 1011: 566,04tr
 - Nợ 388 (Chi phí chờ phân bổ) : 33,96tr
 - Có 4232.12T.OB: 600tr

- Định kỳ hàng tháng phân bổ lãi vào chi phí (từ tháng đầu tiên đến tháng 9)
 - Nợ 801: 2,83tr ($33,96\text{tr}/12\text{T}$)
 - Có 388: 2,83tr
- Đến hết tháng 9 thì NH đã phân bổ được $2,83*9=25,47\text{tr}$, còn 8,49tr chưa phân bổ
- Khách hàng rút trước hạn. tính theo lãi không kì hạn 0,3%/tháng.
- Số tiền lãi thực nhận: $566,04\text{tr}*0,3\%*9=15,28\text{tr}$
- Số tiền khách hàng nhận được ngày 12/7 là: $600\text{tr}+15,28-33,96=581,323\text{tr}$

Định khoản:

- Khách hàng rút tiền mặt:
 - Nợ 4232.12T.OB:566,04tr
 - Nợ 801 : 15,28
 - Có 1011: 582,159tr

- Hạch toán phân lãi:
 - Nợ 4232.12T.OB: 33,96tr
 - Có 388: 8,49tr
 - Có 801: 25,47tr (thoái chi)

Bài 14: Ngày 1/4/20004 tại NHTM A phát sinh nghiệp vụ như sau: ngân hàng A thu được khoản nợ của khách hàng D là 20 tr đồng bằng tiền mặt. Khoản nợ này NH A đã lập dự phòng đủ 20 tr đồng. Đồng thời NH trích dự phòng quý một năm 2004 là 100 tr đồng.

Giải

Định khoản:

Nợ 1011: 20tr
 Có 79 : 20 tr
Xuất 971: 20tr
Nợ 8822: 100tr
 Có 219: 100tr

Bài 15: Khách hàng B có sổ TK 500 triệu gửi từ ngày 1/9/07, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 0,705%/tháng. Ngày 15/11/07, KH cần sử dụng 100 triệu trong vòng 7 ngày. KH nên làm thế nào để đáp ứng nhu cầu với chi phí bỏ ra thấp nhất? Định khoản nghiệp vụ kinh tế trên.

Giải

- Nếu KH tắt toán sổ tiết kiệm 500 triệu vào 15/11/07

Tính lãi:

+ Từ 1/9/07 đến 1/11/07: Áp dụng lãi suất TGTK định kỳ tròn 2 tháng 0,64%/tháng

Lãi: $500\text{tr} \times 0,64\% \times 2 = 6.400.000 \text{ đ}$

Nợ 4913 (801) : 6.400.000 đ

Có 1011 : 6.400.000 đ

+ Từ 2/11/07 đến 15/11/07: Áp dụng lãi suất không kỳ hạn 0,25%/tháng cho 14 ngày

Lãi: $500\text{tr} \times 0,25\% \times 14 = 583.300 \text{ đ}$

Nợ 4913 : 583.300đ

Có 1011 : 583.300đ

Vậy tổng lãi KH được lãnh: $6.400.000\text{đ} + 583.300\text{đ} = 6.983.300 \text{ đ}$

- Nếu KH tắt toán sổ đúng hạn vào 11/12/07

Tổng lãi KH sẽ được lãnh: $500 \times 0,705\% \times 3 = 10.575.000\text{đ}$

Như vậy nếu tắt toán sổ vào ngày 15/11/07 thì Kh sẽ bị lỗ:

$$10.575.000 \text{ đ} - 6.983.300 \text{ đ} = 3.591.700 \text{ đ}$$

- Giả sử KH vay cầm cố sổ TK

$$\text{Lãi suất vay} = \text{Lãi suất gửi đầu kỳ} + 0,2\% = 0,705\% + 0,2\% = 0,905\%$$

$$\text{Tiền lãi vay KH phải trả trong 7 ngày: } \frac{100.000.000 \times 0,905\% \times 7}{30} = 211.200 \text{ đ}$$

Như vậy KH nên vay cầm cố sổ TK thì chi phí bỏ ra sẽ thấp hơn tất toán sổ tiết kiệm trước hạn.

Định khoản:

- Số tiền giải ngân:

Nợ 2111 : 100.000.000 đ

Có 1011 : 100.000.000 đ

- Lãi vay:

Nợ 1011 : 211.200 đ

Có 702 : 211.200 đ

- Tài sản thế chấp: giá trị sổ tiền gửi

Nhập 996: 500.000.000 đ

Bài 16: Thay vì gửi 12tr, lãnh lãi cuối kỳ, thì mỗi tháng KH vẫn gửi đều 1tr/tháng cho đến 12 tháng mà vẫn được hưởng lãi suất định kỳ 1 tháng là 0,6%/tháng. Nếu KH có 5tr gửi vào tài khoản tiết kiệm tích lũy thì những tháng tiếp theo (4 tháng tiếp theo) vẫn không cần gửi tiền vào tài khoản. Tuy nhiên, KH lại không được tất toán trước hạn, kỳ hạn tối thiểu là 1 năm. Lãi suất: 0,6%/tháng.

Giải

- KH gửi tiền:

Nợ 4232 : số tiền KH gửi (1 hoặc 5tr)

Có 1011 : số tiền Kh gửi (1 hoặc 5tr)

- Lãi dự trả:

Nợ 801 : $0,6\% \times 12\text{tr} = 72.000 \text{ đ}$

Có 4913 : 72.000.000 đ

Bài 17: Nhà XK mang đến NH chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu trị giá 50.000USD trong thời hạn 2 tháng. Lãi suất CK 1%. Hoa hồng CK: 1.000 USD. Lãi vay 1,5%. Tỷ giá tại thời điểm cho chiết khấu: 16.000 VND/USD. Sau 2 tháng không thấy báo “Có” của NH nhà nhập khẩu. Định khoản nghiệp vụ kinh tế trên.

Giải

Số tiền CK = $50.000 - 50.000 \times 1\% - 500 = 49.000 \text{ USD} = 784.000.000 \text{ VND}$

Lãi dự thu hàng tháng: $784.000.000 \times 1,5\% = 11.760.000 \text{ đ}$

Định khoản:

- Lúc CK:

Nợ 2221: 784.000.000 đ

Có 1011: 784.000.000 đ

- Sau 2 tháng không thấy báo “Có”

Nợ 2222: 784.000.000 đ

Có 2221: 784.000.000 đ

- Dự thu lãi tháng thứ 1

Nợ 3941: 11.760.000 đ

Có 702: 11.760.000 đ

- Dự thu lãi tháng thứ 2

Nợ 3941: 11.760.000 đ

Có 702: 11.760.000 đ

Nếu nhà NK không thanh toán tiền cho NH thì NH sẽ bán lô hàng của nhà XK.

- Giả sử NH bán lô hàng được 800.000.000 đ.

Số tiền dư ra so với số tiền NH đã CK: $800.000.000 - 784.000.000 = 16.000.000 \text{ đ}$

Tổng số tiền NH dự thu là $11.760.000 \times 2 = 23.520.000 \text{ đ}$

Chênh lệch dự thu và thực thu: $23.520.000 - 16.000.000 = 7.520.000$ đ

Định khoản:

Nợ 1011: 784.000.000 đ

Có 2222: 784.000.000 đ

Nợ 702: 7.520.000 đ

Có 3941: 7.520.000 đ

- Giả sử NH bán lô hàng được 700.000.000 đ

Số tiền thiếu so với số tiền NH đã CK: $784.000.000 - 700.000.000 = 84.000.000$ đ

Định khoản:

Nợ 1011: 700.000.000 đ

Có 2222: 700.000.000 đ

Nợ 89: 84.000.000 đ

Có 2222: 84.000.000 đ

Nợ 702: 23.520.000 đ

Có 3941: 23.520.000 đ

Bài 18: Giả sử sau khi thu hồi tài sản cho thuê về, NH tân trang lại tài sản với chi phí tân trang là 50.000.000 đ. NH lại tiếp tục cho KH khách thuê. Tiền thuê hàng tháng là 10.000.000. Lãi 1.000.000 đ/tháng. Hãy định khoản nghiệp vụ trên

Giải

Chi phí tân trang:

Nợ 872: 50.000.000 đ

Có 1011: 50.000.000 đ

Tiền thuê và tiền lãi hạch toán vào thu nhập khác:

Nợ 1011: 11.000.000 đ

Có 79: 11.000.000 đ

Bài 19: Ngày 20/11/2007, khách hàng Y không mở tài khoản tại PGD X đến PGD thực hiện một lệnh chuyển tiền cho khách hàng Z có tài khoản tại Ngân hàng B, số tiền 200 triệu. PGD thu phí chuyển tiền 0.03 % trên số tiền chuyển, phí kiểm đếm 0.02%. Tại PGD X phải thực hiện chuyển lệnh về Hội sở ngân hàng A để Hội sở thực hiện chuyển tiền ra ngoài hệ thống. Thuế VAT phải nộp 10%.

Giải

Tại PGD X.

- Thu phí dịch vụ chuyển tiền:

Nợ 1011: 60.000đ (200 triệu*0.03%)

Có 711(thu phí dịch vụ thanh toán): 54.545đ

Có 4531: 5.455đ

- Thu phí kiểm đếm:

Nợ 1011: 40.000đ (200 triệu*0.02%)

Có 713(thu dịch vụ ngân quỹ - phí kiểm đếm): 36.364đ

Có 4531(thuế VAT phải nộp Nhà nước):3.636đ

- Thực hiện việc chuyển tiền cho khách hàng Y:

Nợ 1011: 200.000.000đ

Có 5199 (thanh toán khác giữa các đơn vị trong cùng ngân hàng)

: 200.000.000đ

Đồng thời, thực hiện một lệnh chuyển tiền về Hội sở:

Tại Hội sở:

Nợ 5199: 200.000.000đ

Có 454(chuyển tiền phải trả bằng đồng Việt Nam)

: 200.000.000đ

Khi thực hiện thanh toán lệnh chuyển, Hội sở sẽ hạch toán như sau:

Ngân hàng A và B đều có mở tài khoản tại ngân hàng Nhà nước.

Tại ngân hàng A thực hiện một lệnh chuyển tiền cho ngân hàng B thông qua tài khoản mở tại ngân hàng Nhà nước.

Nợ 454: 200.000.000đ

Có 1113.NHA: 200.000.000đ

Tại ngân hàng B khi nhận được báo có của ngân hàng A thông qua ngân hàng Nhà nước sẽ tiến hành báo có vào tài khoản khách hàng.

Nợ 1113. NHB: 200.000.000đ

Có 4211. KHZ: 200.000.000đ

Bài 20: Khách hàng đến trả lãi hợp đồng tín dụng. Số tiền vay 500 triệu, lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 1 năm, lãi phạt 10% lãi vay, tính lãi 360 ngày. Hợp đồng trả lãi hàng tháng. Hợp đồng vay ngày 15/09/07.

Giải

Ngày 15/10/07 khách hàng không đến thanh toán tiền lãi:

Lãi từ 15/09/07 -> 15/10/07

$$500.000.000 * 14\% * 30/360 = 5.833.333$$

Lãi phạt từ 15/10/07 -> 30/10/07

$$14 * 150\% = 21\%$$

$$5.833.333 * 21\% * 30/360 * 15 = 51.042$$

=> Tổng số tiền lãi khách hàng phải thanh toán: 5.884.375

Hàng ngày tiền lãi được hạch toán dự thu vào TK 3941 (lãi dự thu từ cho vay)

Nợ 3941

Có 7020 (thu lãi cho vay)

Đến ngày 30/10/07 khách hàng thanh toán được hạch toán như sau:

Nợ 1011:5.833.333

Có 3941 : 5.833.333.

Nợ 1011 :51.402

Có 7091 (thu khác từ hoạt động tín dụng) : 51.042